TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26 /2023/HNGĐ-ST Ngày 14-04-2023 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lộc

Bà Nguyễn Thị Di

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền và Quyết định hoãn phiên tòa số 16 /2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1982; Địa chỉ: 9/8, đường số X, tổ 6, ấp P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Mai Văn T, sinh năm: 1973;

HKTT: Đội 7, xã H, huyện A, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở: Tổ 11, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà D có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tro*ng đơn khởi kiện và các văn bản làm việc tại tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Mai Văn T yêu thương và đi đến cưới nhau năm 2020, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/11/2020, tại Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, ngày 18- 11-2020. Trong thời gian chung sống bà D và ông T thường đã xảy ra cãi vả, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không thể hàn gắn được. Thấy không còn tình cảm nữa, nên bà D mong muốn được Tòa án huyện Long Điền giải quyết cho bà D được ly hôn với ông Mai Văn T.

Về con chung và cấp D: Bà Nguyễn Thị D và ông Mai Văn T có 02 người con chung là Mai Thanh S; sinh ngày 05/4/2002; Mai Bách A, sinh ngày 09/11/2005. Bà D có nguyện vọng được nhường quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là các cháu A cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu S đã trưởng thành, có khả năng lao động, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên cháu ở với ai thì tùy cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà D, Tòa án triệu tập ông T để làm việc nhưng ông Mai Văn T không đến Tòa để làm việc. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D; Về con chung: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Mai Bách A, sinh ngày 09/11/2005; nên cần giao cháu A cho ông Mai Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cháu S đã trưởng thành, có khả năng lao động, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên cháu ở với ai thì tùy cháu.

Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà D xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông T được xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Nơi cư trú của ông Mai Văn T ở xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Mai Văn T sống chung với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2020, tại Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, ngày 18- 11-2020. Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được. Qúa trình tố tụng ông Mai Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông Mai Văn T cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải đoàn tụ mà bỏ mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến. Theo kết quả xác minh ông Mai Văn T đang sinh sống tại địa phương nhưng quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ. Bà D và ông Mai Văn T không còn sống chung với nhau. Ông T đang sống cùng con trai tại tổ 11, ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn trong khi đó ông Mai Văn T cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, ông Mai Văn T không có thiện chí hàn gắn tình cảm, bà D kiên quyết xin ly hôn cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân Gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng: Hiện nay cháu Mai Bách A, sinh ngày 09/11/2005 đang ở cùng với ông T. Bà D có nguyện vọng được giao quyền trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cháu A cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu A đang được ông T chăm sóc. Bà D có nguyện vọng giao quyền nuôi con cho ông T nên giao cho ông T trực tiếp giáo dục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Việc bà D không cấp dưỡng nuôi con là do ông T cố tình vắng mặt không có ý kiến đối với việc cấp dưỡng. Cháu S đã trưởng thành, phát triển bình thường, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự, nên cháu ở với ai thì tùy cháu.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà D là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với ông Mai Văn T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Mai Văn T.

1.2 Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Mai Bách A, sinh ngày 09/11/2005 cho ông Mai Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009254 ngày 15-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Công Hiếu

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND xã Phú Sơn, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (số 68, ngày 25-7-2003;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.